

TÌM HIỂU MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÃ HỘI DÂN SỰ Ở VIỆT NAM

TRƯƠNG VĂN DŨNG*

1. Đặt vấn đề

Vấn đề xã hội dân sự hay còn gọi là xã hội công dân (sau đây gọi là xã hội dân sự) gần đây đã được các học giả trong nước đề cập đến trong các bài viết của mình như: “Xã hội dân sự” của Cao Huy Thuân⁽¹⁾, “Nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự” của Trương Lai⁽²⁾; “Vai trò của xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay” của Nguyễn Minh Phương⁽³⁾; “Khung tư duy nhận thức về xã hội dân sự” của Võ Khánh Vinh⁽⁴⁾; “Tìm hiểu khái niệm xã hội dân sự” của Nguyễn Như Phát⁽⁵⁾; v.v.. Tuy nhiên để làm rõ được nội dung, bản chất cũng như vị trí, vai trò của “xã hội dân sự” trong quá trình phát triển xã hội, có lẽ cần phải đầu tư nghiên cứu nhiều hơn nữa.

Vào những năm 1990 của thế kỷ XX khi các phong trào phản kháng ở Đông Âu phát triển mạnh mẽ, hệ thống Xã hội chủ nghĩa thoái trào, các tổ chức đoàn thể, tổ chức phi chính phủ, nghề nghiệp, tôn giáo, trí thức, nhân quyền, môi trường v.v. nhân danh khái niệm xã hội dân sự đã kích Nhà nước cầm quyền, đòi tự do, dân chủ. Khái niệm “xã hội dân sự” cũng được các chính trị gia phương Tây lợi dụng như một chiêu bài chính trị để can thiệp vào các quốc gia khác. Ngày nay, trong điều kiện nền kinh tế thị trường, các quan hệ kinh tế, xã hội phát triển ngày càng đa dạng và phức tạp, liên quan đến các quyền và lợi ích của cá nhân, của cộng đồng và của toàn xã hội. Khi nền kinh tế thị trường phát triển đòi hỏi sự tham gia tích cực của người dân vào việc quản lý xã hội để cùng chia sẻ, gánh vác trách nhiệm xã hội, cũng là thời điểm mà thuật ngữ “xã

* TS.Viện Nghiên cứu Con người.

hội dân sự” được sử dụng tương đối rộng rãi và phổ biến. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu và làm rõ hơn vấn đề “xã hội dân sự” là rất cần thiết.

2. Một số quan niệm về xã hội dân sự

Quá trình phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước làm xã hội phát sinh nhiều quan hệ mới, khái niệm mới, chẳng hạn, nền kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, dịch vụ hành chính công; dịch vụ tư, xã hội hoá giáo dục, xã hội hoá các loại hình bảo hiểm, cổ phần hoá doanh nghiệp, an sinh xã hội, an sinh học đường; vốn con người, vốn xã hội, v.v. Có một số khái niệm mặc dù đã được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu và luận giải, nhưng vẫn chưa đi tới được một quan điểm thống nhất và khoa học (kể cả ngoại biên và nội hàm) làm cơ sở soi đường cho hoạt động thực tiễn. Một trong những khái niệm đó là khái niệm xã hội dân sự. Có tác giả quan niệm rằng “xã hội dân sự là một khu vực phi Nhà nước, bao gồm các liên hiệp, hiệp hội, hội, tổ chức cộng đồng, nhóm tình nguyện, tổ chức phi chính phủ ...”⁽⁶⁾; hoặc “xã hội dân sự là môi trường bên ngoài gia đình, Nhà nước và thị trường, là nơi quần chúng liên hiệp lại với nhau để phát triển những quyền lợi chung”⁽⁸⁾. Lại có tác giả cho rằng “xã hội dân sự là xã hội pháp quyền, xã hội mà ở đó vai trò, các giá trị, các tư tưởng, các nguyên tắc của pháp luật được đề cao và thống trị trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và đời sống Nhà nước”⁽⁷⁾; và “xã hội dân sự là một khái niệm mang tính tổng hợp với nhiều cách tiếp cận và với nhiều thành tố”⁽⁹⁾ “đối với lĩnh vực gia đình và xã hội công dân, nhà nước là sự tất yếu bên ngoài, quyền lực nhà nước khiến cho pháp luật và lợi ích phục tùng và lệ thuộc vào nhà nước”⁽¹⁰⁾ v.v. Các quan điểm này phần nào đã phản ánh được những nội dung nhất định về xã hội dân sự, nhưng còn chung chung tổng quát, chưa thật rõ ràng về mặt khoa học, thiếu cụ thể.

3. Quan điểm xã hội dân sự thể hiện trong đường lối của Đảng và Nhà nước ta

Mặc dù chưa có một văn bản nào chỉ rõ khái niệm dân sự là gì song nếu xem xét quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của nước ta, nhất là căn cứ vào đường lối chiến lược phát triển của Đảng và Nhà nước, cũng có thể nắm bắt được quan điểm về xã hội dân sự của Đảng và Nhà nước.

Trước hết có lẽ chúng ta nên bắt đầu từ thuật ngữ “dân sự”. Theo Đại từ điển tiếng Việt: dân sự là việc có liên quan đến *nhân dân* nói chung; việc thuộc của dân, phân biệt với các cơ quan quân sự là cơ quan *dân sự* v.v.⁽¹¹⁾. Từ cách giải thích này, nhìn vào quá trình hình thành, xây dựng và phát triển Nhà nước Việt Nam, chúng ta thấy: dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, *nhân dân* ta đã làm nên những trang sử hào hùng trong kháng chiến chống ngoại xâm cũng như trong công cuộc đổi mới ngày nay. Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, bản Hiến pháp đầu tiên ra đời đánh dấu mốc son lịch sử phát triển của *Nhà nước dân chủ nhân dân*, đảm nhiệm vai trò quản lý nhà nước đối với sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Trong điều kiện gian khổ và ác liệt, *nhân dân* ta đã đấu tranh bảo vệ nền độc lập và phát triển kinh tế xã hội ở các vùng tự do, khôi phục kinh tế gắn với phát triển văn hoá. Thắng lợi đó được đánh dấu bằng sự ra đời của Hiến pháp năm 1959. Với bản Hiến pháp này Nhà nước đã hoàn thiện cơ bản những quy định pháp luật về công quyền, dân quyền và nhân quyền. Bản Hiến pháp thể hiện sự tiếp tục quá trình phát triển nhà nước của dân, do dân và vì dân, lấy dân làm gốc. Nhân dân không chỉ xây dựng nên Nhà nước, xây dựng nên hệ thống pháp luật mà còn trực tiếp tham gia công việc quản lý nhà nước. Với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, Nhà nước ngày càng tạo ra mọi điều kiện thuận lợi để nhân dân thực hiện hiệu quả dân chủ trực tiếp bằng các thiết chế tự quản. Như vậy, quan điểm xây dựng Nhà nước và cơ sở xã hội là *vì dân và do dân*. Quan điểm đó tiếp tục được khẳng định trong nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX “Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng”⁽¹²⁾.

Đặc biệt, quan điểm đó được thể hiện rõ trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “xây dựng một Nhà nước có phạm vi hoạt động rất rộng, tất cả các lĩnh vực, nhưng độ sâu lại rất có chừng mực. Nhà nước làm kinh tế với độ sâu vừa phải, quản lý xã hội rất có mức độ, tạo điều kiện cho dân làm, dân tự tổ chức, tự điều hành, tự giải quyết, tự thu xếp mọi vấn đề trong xã hội”⁽¹³⁾.

Ngày nay, chúng ta đã và đang xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa – Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Như vậy, quan điểm “tất cả quyền bình đẳng đều thuộc ở dân” và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh liên tục được kế thừa và phát triển. Quyền lực Nhà nước đều thuộc ở dân thể hiện: thứ nhất, nhân dân có quyền lựa chọn người đại diện (đại biểu) hoặc trực tiếp tham gia vào việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thứ hai, nhân dân tự thành lập, tự tổ chức, tự quản lý, tự thu xếp, tự giải quyết các công việc có liên quan đến nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, các đòi hỏi của xã hội v.v. Nhà nước với vai trò là “người quản lý và hoạch định chính sách” có nghĩa vụ bảo đảm các điều kiện (tạo hành lang pháp lý) để nhân dân tham gia vào các hoạt động (dù là chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội) đều không bị cản trở. Với việc không ngừng hoàn thiện chính sách và pháp luật của nhà nước để nhân dân phát huy triệt để các quyền của mình trong các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, chúng ta thấy rằng: Bản chất Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Hay nói cách khác, việc của nhà nước chính là việc của dân.

Như vậy, nội dung “xã hội dân sự” đã được Đảng và Nhà nước ta, mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh làm rõ một cách cơ bản, thể hiện rõ rệt như một nền tảng lý luận quan trọng cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước trước đây cũng như ngày nay.

4. Xã hội dân sự thể hiện trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

Ngay sau khi giành được độc lập dân tộc (1945), việc đầu tiên mà chính phủ phải làm đó là: “làm cho dân có ăn; làm cho dân có mặc; làm cho dân có chỗ ở và làm cho dân có học hành”. Ngày 9 tháng 11 năm 1946, Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên, hệ thống Nhà nước bao gồm các cơ quan Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp được xây dựng trên nguyên tắc của dân, do dân, vì dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, đời sống chính trị, kinh tế và văn hoá ngày càng khởi sắc. Một số chính sách về ruộng đất, tô thuế, khuyến nông được ban hành. Công tác văn hoá có nhiều chuyển biến, hàng triệu người thoát nạn mù chữ, đời sống tinh thần cũng được nâng cao, bình đẳng, dân chủ, tiến bộ xã hội có những bước phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, không lâu sau khi giành được độc lập, thì nước ta lại đương đầu với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19/12/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Công cuộc “kháng chiến, kiến quốc” có sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, các phong trào thi đua yêu nước ngày càng phát triển và lan rộng trong các tầng lớp nhân dân. Với tinh thần yêu nước, quân và dân Việt Nam đã chiến thắng hoàn toàn Thực dân Pháp xâm lược. Miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến hành cải cách ruộng đất thực hiện triệt để khẩu hiệu “người cày có ruộng”, đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến, giải phóng nông dân khỏi ách áp bức bóc lột, củng cố khối liên minh công nông, cải tạo và phát triển các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và kinh tế tư bản tư doanh. Nhà nước tập trung phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp, đẩy mạnh phát triển văn hoá, các hội quần chúng được thành lập, ngày 20 tháng 5 năm 1957 Chủ tịch nước đã ký ban hành sắc luật số 102/SL quy định về quyền thành lập hội v.v. Tuy nhiên, trong thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (1954-1975), nền kinh tế nước ta chịu nhiều ảnh hưởng của nền kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa, mà đặc trưng là “tập trung, mệnh lệnh, chỉ huy, bao cấp”, do đó, chưa phát huy, tập hợp được các nguồn lực, trí tuệ, tính chủ động sáng tạo, tính tự nguyện của nhân dân. Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tuy đất nước thống nhất, nhưng đời sống vật chất (kinh tế) của nhân dân ngày càng khó khăn, bởi nền kinh tế “tập trung, mệnh lệnh, chỉ huy, bao cấp” bộc lộ nhiều hạn chế và bất cập. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng lớn về kinh tế - xã hội. Trước tình hình đó Đảng và Nhà nước ta đã đề ra đường lối đổi mới, trong vòng 10 năm (1986-1995) nền kinh tế thị trường đã từng bước được khẳng định, lạm phát được kiểm soát, kinh tế ổn định, đời sống của nhân dân được nâng cao.

Ngày nay, công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã đem lại những thắng lợi to lớn trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội đều được nâng lên một cách rõ rệt. Điều đó, chứng minh rằng, mục tiêu phát triển của Nhà nước là vì quyền và lợi ích của nhân

dân, thể hiện rõ bản chất nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước đang từng bước xã hội hoá các dịch vụ công, đặc biệt chú trọng trong công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia, từ cải cách thể chế cho đến cải cách thủ tục. Thực tế đã có nhiều loại hình tổ chức, dịch vụ, ngành nghề mà trước đây Nhà nước độc quyền, thì nay các đoàn thể của dân, cá nhân hay tổ chức xã hội được phép làm. Ví dụ: trường dân lập; tư thực; bệnh viện tư nhân; công ty cổ phần kiểm toán; dịch vụ kê khai thủ tục hải quan xuất nhập khẩu hàng hoá; vận tải tư nhân; hiệp hội doanh nghiệp, dịch vụ bảo vệ, hãng phim tư nhân v.v. Cơ sở và nền tảng cho quá trình xã hội hoá các loại hình dịch vụ là chủ trương, đường lối, chính sách được cụ thể hoá bằng hệ thống văn bản pháp luật. Cụ thể là, Hiến pháp 1992 đã mở rộng các quyền và nghĩa vụ của công dân, của các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Nhà nước khuyến khích các tầng lớp nhân dân, mọi cá nhân không phân biệt thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo, quốc tịch v.v... đều có thể trở thành những nhà doanh nghiệp. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng trong việc phát huy *“quyền dân sự”* của công dân trên lĩnh vực kinh tế. Hàng trăm luật, bộ luật và các văn bản dưới luật được ban hành (đặc biệt là từ năm 1994 đến nay mỗi kỳ họp Quốc hội thì có hàng chục văn bản luật được ban hành) và trên thực tế đã có hàng vạn doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ra đời và đi vào hoạt động giải quyết căn bản *“quyền có việc làm”* cho người lao động và đóng góp một phần không nhỏ vào việc tăng trưởng kinh tế của đất nước hàng năm.

Hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện, các loại hình tổ chức xã hội phát triển cả về số lượng, chất lượng và mục đích, tôn chỉ hoạt động. Hoạt động của các tổ chức này phần nào đã đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, phát huy vai trò thực hành dân chủ, tăng cường vai trò giám sát và thực hiện chức năng tư vấn phản biện xã hội đối với Đảng và Nhà nước. Ngày nay, hệ thống các tổ chức hội ở nước ta phát triển rất mạnh mẽ, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản luật về hội (ví dụ Nghị định 88/CP năm 2003 về tổ chức hoạt động và quản lý hội hiện nay đã có Dự thảo Luật về hội chuẩn bị trình Quốc hội thông qua). Tính đến tháng 6 năm 2005 có 320 hội hoạt động trên phạm vi cả nước; 2.150 hội hoạt động trên phạm vi địa bàn tỉnh thành. Trong số đó, có loại hội được nhà nước tài trợ như: Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ, Hội luật gia, Hội nông dân, Hội đồng liên minh các hợp tác xã Việt Nam v.v. Các loại hội không do Nhà nước tài trợ (hoặc tài trợ một phần), như: Hội sinh vật cảnh, Hiệp hội doanh nghiệp, Câu lạc bộ cầu lông, các hiệp hội nghề nghiệp, các trường dân lập, tư thực, bệnh viện tư v.v. Mục đích hoạt động mà các hội hướng tới là vì tiến bộ xã hội và phát triển con người. Nghĩa là, các hoạt động của các tổ chức dù công hay tư đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của con người, của cộng đồng trên tất cả các lĩnh vực

chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Nhà nước đóng vai trò là người tạo ra cơ chế pháp lý để các loại hình doanh nghiệp, hội, hiệp hội phát triển trong một khuôn khổ hoàn toàn tự do có trật tự pháp luật. Báo cáo kết quả Dự án civicus csi-sat cũng đã đưa ra nhận xét đánh giá xã hội dân sự Việt Nam như sau: “các tổ chức quần chúng được xem là một phần của hệ thống chính trị, giống như cấp trung gian giữa cơ sở và trung tâm chính trị, nhưng có vai trò ngày càng độc lập hơn...”⁽¹⁴⁾. Hiện có khoảng 600 tổ chức phi chính phủ (NGO) nước ngoài có hoạt động và quan hệ với Việt Nam. Nhà nước và Chính quyền địa phương luôn tạo mọi điều kiện cho các NGO hoạt động một cách thuận tiện, không can thiệp sâu vào các hoạt động của NGO trong nước.

Đường lối, chủ trương, chính sách nói trên lại một lần nữa được khẳng định tại Đại hội Đại biểu Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ X “Thực hiện quản lý Nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Tách chức năng quản lý hành chính của Nhà nước khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, xóa bỏ chế độ chủ quản; phân biệt rõ ràng hệ thống cơ quan hành chính công và hệ thống cơ quan sự nghiệp dịch vụ công (giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hoá, thể dục thể thao); phát triển mạnh các dịch vụ công”⁽¹⁵⁾. Ngày 25 tháng 4 năm 2006 Chính phủ ban hành Nghị định số 43/CP, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công, hạn chế sự can thiệp của Nhà nước vào quá trình hoạt động, dần dần từng bước cổ phần hoá các loại hình đơn vị sự nghiệp này theo hình thức cổ phần hoá doanh nghiệp. Xã hội hoá các lĩnh vực mà Nhà nước không cần nắm giữ là một trong những bước đi tiếp theo trong việc triển khai nghị Quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

Nhìn lại toàn bộ quá trình cải cách, công cuộc đổi mới và thành tựu đã đạt được, chúng ta thấy, đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước đang tiến gần đến “*dân sự hoá xã hội*”, như một nhận xét khác của Dự án Civicus csi-sat là “xã hội dân sự thực hiện và thúc đẩy các giá trị xã hội tích cực ở mức chấp nhận được...”⁽¹⁶⁾.

Từ đây chúng ta có thể đưa ra khái niệm xã hội dân sự như sau: *Xã hội dân sự là hệ thống các tổ chức xã hội, thông qua đó tất cả mọi người, không phân biệt gia cấp, tầng lớp, địa vị xã hội, đều có quyền tổ chức, tham gia, điều hành, quản lý và hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội được pháp luật quy định, nhằm mục đích thúc đẩy phát triển xã hội, bảo đảm phát huy triệt để khả năng, tiềm lực con người hướng tới cùng xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

Để đóng góp cho việc hình thành tư duy lý luận, định hướng xây dựng và phát triển xã hội dân sự hiện thực, chúng ta có thể đi đến một số kết luận và kiến nghị như sau.

5. Kết luận

a. Xã hội dân sự thực chất là phản ánh một sự phát triển cao của xã hội, sự hoàn thiện của một thể chế nhà nước, trong đó các tổ chức nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức quần chúng nhân dân, các cá nhân, tổ chức phi chính phủ đều được phát triển, hoạt động một cách tự do, bình đẳng trong cùng một hệ thống pháp luật thống nhất.

b. Xã hội dân sự phát triển là do nhu cầu đòi hỏi của xã hội, không phải do sự áp đặt từ bên ngoài, từ mô hình này sang mô hình khác, từ quốc gia này sang quốc gia khác. Xã hội dân sự chỉ hình thành và phát triển từ khi xuất hiện nhà nước.

c. Sự hình thành và phát triển xã hội dân sự của mỗi quốc gia vừa có những nét tương đồng, vừa có sự khác nhau. Sự khác nhau đó phụ thuộc vào các yếu tố như: Thể chế chính trị (hình thái Nhà nước), truyền thống văn hoá và phong tục tập quán.

d. Phát triển kinh tế và phát triển xã hội dân sự có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng không phải kinh tế phát triển là sẽ có xã hội dân sự cũng phát triển.

e. Phát triển tốt xã hội dân sự là phát huy một cách triệt để nguồn lực, kiến thức, trí tuệ, tính năng động sáng tạo, tính chủ động của con người, của các tầng lớp nhân dân, của cộng đồng xã hội trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, góp phần vào việc xây dựng một xã hội thực sự công bằng, dân chủ, văn minh. Đây cũng là một biện pháp hữu hiệu trong công tác đấu tranh chống tham nhũng.

6. Kiến nghị

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện các cơ chế chính sách và pháp luật để tạo môi trường hoạt động cho tất cả các loại hình tổ chức xã hội, các cá nhân tham gia vào công việc chung của xã hội một cách tự nguyện, bình đẳng, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và xã hội.

Thứ hai, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thể chế, từng bước tiến tới xã hội hoá các dịch vụ công để các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các cá nhân đều có thể tham gia vào việc quản lý Nhà nước.

Thứ ba, đa dạng hoá các hình thức “tài phán xã hội” để nhân dân cùng tham gia giải quyết các tranh chấp phát sinh trong đời sống xã hội tại cộng đồng dân cư.

Thứ tư, tăng cường tính độc lập, tự chủ, thiết lập các quan hệ bình đẳng, giảm đến mức thấp nhất sự chi phối bởi quyền lực trên dưới, làm mất đi tính dân chủ và vai trò “phản biện xã hội” của các tổ chức dân sự trong xã hội dân sự.

Thứ năm, đẩy nhanh quá trình xã hội hoá những lĩnh vực hành chính công Nhà nước không cần nắm giữ(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 5/2006.

1. Đại học Amiens Pháp đăng trên tạp chí *Thời đại mới* năm 2004.
2. Tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, tháng 11 năm 2005.
3. Tạp chí *Triết học*, tháng 2 năm 2006.
4. Võ Khánh Vinh, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, năm 2006.
5. Nguyễn Như Phát, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, năm 2006.
6. Nguyễn Minh Phương, Tạp chí *Triết học*, số 2(177), tháng 2-2006, tr.10.
7. Báo cáo kết quả dự án “Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam” do Viện Những vấn đề phát triển thuộc Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam thực hiện dưới sự tài trợ của UNDP, tháng 12-2005, tr. 22.
8. Võ Khánh Vinh, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 2/2006, tr.4.
9. Nguyễn Như Phát, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 6/2006, tr.4.
10. C. Mác và Ph.Ăng-ghen. *Toàn tập*, T1. Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 309.
11. Nguyễn Như Ý. *Đại từ điển tiếng việt*, Bộ Giáo dục và đào tạo, Trung tâm Ngôn ngữ và nhân văn quốc gia. Nxb. Văn hoá thông tin, 1998, tr.520.
12. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.134.
13. Trích bài *Dân vận* năm 1950 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
14. Tài liệu đã dẫn (CIVICUS CSI - SAT) tr. 66.
15. Trích *Báo cáo Chính trị trình tại Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X*.
16. Tài liệu đã dẫn (CIVICUS CSI - SAT), tr.83.

Tài liệu tham khảo:

1. Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 2/2006, tr.3.
2. Tạp chí *Triết học*, số 2-2006, tr.10.
3. Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 6/2006, tr.3.
4. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.134.
5. Cao Huy Thuần, *Xã hội dân sự, Thời đại mới*, Tạp chí *Nghiên cứu & thảo luận*, số 3-2004.
6. Tương Lai, *Nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự*. Tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 11-2005.
7. Báo cáo kết quả dự án “Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam” do Viện Những vấn đề phát triển thuộc Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam thực hiện dưới sự tài trợ của UNDP, tháng 12/2005, tr.22; 83.
8. C. Mác và Ph.Ăng-ghen, *Toàn tập*, T1. Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 309.